

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/DS-ST
Ngày: 05- 3- 2025
“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoài và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QSĐST-DS ngày 18/02/2025 các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964 và bà Đào Kim D, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp T2, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày:

Vào năm 2020 vợ chồng ông T1 và bà D nhiều lần đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông T để mua vật tư nông nghiệp về sử dụng canh tác lúa, tôm.

Đến ngày 28/12/2020 ông T1 và bà D đã ký biên nhận nợ xác nhận còn nợ ông T số tiền mua bán là 38.574.000 đồng.

Trong nội dung khởi kiện và quá trình làm việc tại Toà án ông T yêu cầu ông T1 và bà D trả nợ số tiền mua bán là 38.574.000 đồng và yêu cầu các bị đơn phải trả tiền lãi tính từ ngày 28/12/2020 âm lịch cho đến ngày trả xong nợ theo mức lãi suất 1,6 %/tháng.

Tại phiên toà ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện không tiếp tục yêu cầu vợ chồng ông T1 và bà D phải trả tiền lãi phát sinh.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ông Nguyễn Văn T1 có ý kiến trình bày như sau:

Ông T1 thừa nhận vợ chồng ông T1 và bà D có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của ông T và hiện nay còn nợ lại số tiền 38.574.000 đồng. Hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn vợ chồng ông T1 và bà D không có khả năng thanh toán hết số tiền trên làm một lần nên đề nghị được trả nợ dần mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 5 năm 2025 trở đi cho đến khi trả hết nợ. Ông T1 đề nghị ông T không tính tiền lãi đối với số nợ mua bán.

Bà D là vợ ông T1 không có ý kiến gì đối với nội dung khởi kiện của ông T.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Nội dung thống nhất: Ông T và ông T1 cùng thống nhất xác nhận ông T1 và bà D có nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của ông T số tiền 38.574.000 đồng.

Nội dung không thống nhất: Các đương sự không thống nhất được phương án trả nợ.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 (một) biên nhận nợ ngày 28/12/2020; bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu đòi tiền nợ mua bán của nguyên đơn, chấp nhận việc rút yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các đương sự: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng dân sự mua bán tài sản, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn bà D vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 1,2 điều 227 và khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với các bị đơn.

Tại phiên tòa, ông T rút yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền còn nợ của bị đơn, việc rút yêu cầu không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông T yêu cầu ông T1 và bà D thanh toán số nợ mua bán 38.574.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án ông T cung cấp chứng cứ là Biên nhận nợ có chữ ký xác nhận nợ của ông T1 và bà D, các bị đơn không có ý kiến phản đối chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đồng thời tại Tòa án ông T1 cũng thừa nhận vợ chồng ông T1 và bà D có nợ tiền mua bán của ông T là 38.574.000 đồng, như vậy việc thừa nhận nợ của ông T1 là phù hợp với nội dung của chứng cứ do ông T cung cấp từ đó có cơ sở để xác định việc ông T1 và bà D còn thiếu nợ của ông T số tiền 38.574.000 đồng tiền mua bán là có cơ sở.

Theo biên nhận nợ thì số nợ xác lập vào ngày 28/12/2020 âm lịch, tuy nhiên cho đến nay ông T1 và bà D chưa thanh toán nợ. Việc ông T1 và bà D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên mua do đó xác

định nội dung khởi kiện của ông T là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 280, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự, cần buộc ông T1 và bà D thanh toán cho ông T số tiền nợ mua bán là 38.574.000 đồng đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông T rút lại yêu cầu tính tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ mua bán của ông T1 và bà D. Nhận thấy việc rút yêu cầu tính tiền lãi của ông T là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về lãi xuất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông T1 và bà D chưa thực hiện trả nợ thì phải chịu tiền lãi chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí ông T1 và bà D phải nộp là: $38.574.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.928.700 \text{ đồng}$.

Ông T được hoàn trả số tiền nộp tiền tạm ứng án phí đã nộp là 964.000 đồng.

[5] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Đào Kim D trả cho ông Lê Minh T số tiền nợ mua bán là 38.574.000 đồng (Ba mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Văn T1 và bà Đào Kim D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phải trả tiền lãi chậm trả của của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Đào Kim D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.928.700 đồng (Một triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, bảy trăm đồng).

Ông Lê Minh T được hoàn trả số tiền án phí đã nộp là 964.000 đồng (Chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003424 ngày 22/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 05/3/2025, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm